

KẾ HOẠCH
Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lào Cai
giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê - tan của ngành giao thông vận tải; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê - tan đến năm 2030; UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lào Cai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Sau đây gọi tắt là *Kế hoạch hành động*) như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính; chuyển đổi, phát triển các mô hình tăng trưởng xanh, giao thông xanh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính về "0" vào năm 2050. Phần đầu tỉnh Lào Cai trở thành một trong các địa phương chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, giảm dần sự phụ thuộc vào các nguồn nhiên liệu hóa thạch; sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới là hướng chủ đạo; chất lượng môi trường sống cân bằng, sinh thái được bảo đảm; hướng tới nền kinh tế xanh, xã hội hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Đến năm 2030

+ Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

+ Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia.

+ Thực hiện mục tiêu quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030, bảo đảm độ che phủ rừng đạt trên 60%; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên được duy trì.

+ Các ngành, lĩnh vực, địa phương trong tỉnh chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý, có biện pháp giảm thiểu tối đa các tác động của biến đổi khí hậu đến ngành, lĩnh vực, địa phương. Bảo đảm 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch, 100% dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Trong đó: Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung là 70%, từ công trình quy mô hộ gia đình là 30%; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế ước đạt 70%; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.

+ Trình độ khoa học và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai được tăng cường; nâng cao năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Bảo đảm 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời ít nhất 70% các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; đối với khu vực chưa thể di dời được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; 100% các khu vực ngầm tràn được giám sát và cảnh báo độ sâu nước ngập.

b) Đến năm 2050

+ Tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, quản lý hiệu quả tài nguyên nước, tài nguyên đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm vững chắc an ninh tài nguyên nước. Tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao. Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức trên 60%; nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn hiệu quả; đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái.

+ Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích ứng hiệu quả với tác động của BĐKH. Bảo đảm 100% dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 90% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

+ Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh. Khả năng chống chịu của các công trình phòng chống thiên tai được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

+ Người dân được bảo đảm an toàn trước thiên tai và các rủi ro khí hậu; đảm bảo di dời 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở đảm bảo an toàn. Bảo hiểm rủi ro thiên tai cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài sản của doanh nghiệp và xã hội.

2.2. Giảm phát thải khí nhà kính

a) Đến năm 2030

Đầu tư nguồn lực, cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng, nông nghiệp, xử lý chất thải theo các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính Quốc gia; phát triển nông nghiệp sinh thái, bảo vệ, bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên rừng; giảm tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt xuống dưới 10%; các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hàng năm từ 2.000 tấn CO₂ trở lên phải thực hiện giảm phát thải theo lộ trình, kế hoạch; Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu hoá thạch trong công nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh.

b) Đến năm 2050

Bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính của toàn tỉnh đạt mức phát thải ròng bằng “0”. Tập trung phát triển các dự án năng lượng mới không phát thải; giảm tỷ trọng các nguồn nhiên liệu hoá thạch; đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng giao thông đáp ứng việc chuyển đổi toàn bộ phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng giao thông vận tải sang sử dụng điện, năng lượng xanh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường năng lực thích ứng

- Tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, khu vực và cộng đồng dân cư trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và dự báo phát triển kinh tế - xã hội của Quốc gia. Hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai và cập nhật bản đồ cảnh báo thiên tai thường xuyên ứng với các kịch bản khí hậu Quốc gia từng thời kỳ, thời điểm.

- Lồng ghép, triển khai nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Tăng cường năng lực dự báo và cảnh báo sớm: Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, lũ ống, sạt lở đất có xét đến những diễn biến của biến đổi khí hậu đối với những vùng thường xuyên xảy ra hiện tượng lũ quét và lũ ống như các huyện Bát Xát, Mường Khương, SiMaCai, Bắc Hà, Văn Bàn, thị xã Sa Pa với độ tin cậy cao; đảm bảo hệ thống kè sông, suối xung yếu, các công trình thủy lợi ở nông thôn, các kênh mương thoát nước, hồ trữ nước trong mùa mưa đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân trong mùa khô.

2. Chủ động các nhiệm vụ giảm phát thải khí nhà kính

- Định kỳ 02 năm/lần thực hiện: Rà soát số liệu tiêu thụ năng lượng, công suất, quy mô của cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính của năm trước năm rà soát theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 06/2022NĐ-CP của Chính phủ; Cập nhật, điều chỉnh danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh theo tiêu chí quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 06/2022NĐ-CP của Chính Phủ gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ quản lý lĩnh vực liên quan trước ngày 30 tháng 6 kể từ năm 2023; Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động có liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý.

- Triển khai hoạt động phát triển thị trường các-bon trên địa bàn tỉnh đáp ứng các yêu cầu của Thị trường Quốc gia.

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày và trong đầu tư mới, mua sắm công, bao gồm các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, sử dụng các công trình xanh, làm mát bền vững, sử dụng xe điện chạy pin và các thiết bị ít tiêu hao năng lượng. Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính và tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện, hoạt động của mình.

3. Tập trung triển khai các nhiệm vụ ứng phó gắn với ngành, lĩnh vực

3.1. Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên

- Đưa giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính thành các chỉ tiêu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch bảo

vệ môi trường, quy hoạch tài nguyên đất, tài nguyên nước, khoáng sản tỉnh Lào Cai thời kỳ đến năm 2030; xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt, hạn chế phát thải.

- Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước ngầm; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông. Lập, công bố danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh. Thay đổi thói quen dùng nước, nâng cao ý thức người dân trong sử dụng nước hợp lý và tiết kiệm tài nguyên nước một cách hiệu quả đặc biệt tại những vùng phía đông bắc của tỉnh.

- Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, đất cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển đô thị, khu cụm công nghiệp theo mô hình tuần hoàn; bảo đảm quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải liên huyện, liên tỉnh. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, môi trường nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, ô nhiễm đất.

- Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường; tập trung đánh giá tác động do hoạt động khai thác khoáng sản đến các sự cố môi trường bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, suy thoái nước ngầm.

3.2. Nông nghiệp và an ninh lương thực

- Quy hoạch sử dụng đất, hệ thống cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng vùng phù hợp với điều kiện, tác động của biến đổi khí hậu. Tiếp tục chỉ đạo sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, gắn sản xuất nông nghiệp hữu cơ với việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất; Bố trí cây trồng hợp lý, nhất là ở những khu vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu, sử dụng các giống chống hạn, chịu sâu bệnh; sử dụng phân bón hữu cơ; giảm sử dụng hóa chất, kháng sinh trong sản xuất nông nghiệp; tăng diện tích canh tác tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày.

- Thực hiện chuyển đổi thời vụ và cơ cấu giống cây trồng nhằm tránh khô hạn. Phát huy tối đa lợi thế về khí hậu, đất đai để phát triển các cây trồng chủ lực, giá trị kinh tế cao (cây rau, cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới; trồng tăng vụ trên đất ruộng 1 vụ nhằm nâng cao hệ số sử dụng đất và hiệu quả kinh tế).

- Lựa chọn các sản phẩm, vùng sinh thái phù hợp để quy hoạch vùng đủ điều kiện sản xuất hữu cơ ứng với các diễn biến của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh (Đối với khu vực núi cao, thực hiện chuyển dịch mùa vụ kết hợp với thay đổi

giống cây trồng để tránh khô hạn; Tăng cường xây dựng, cải tạo các công trình trữ nước để phục vụ tưới chống hạn vào mùa khô; Khu vực các huyện vùng thấp, tập trung đa dạng mùa vụ và giống đối với các cây trồng chính và bố trí phù hợp với khí hậu đối với từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng).

- Chủ động chuẩn bị các giải pháp ứng phó cụ thể đối với các đợt rét đậm, rét hại trong chăn nuôi. Nghiên cứu và triển khai ứng dụng các mẫu chuồng trại phù hợp ứng phó với biến đổi khí hậu; Tăng cường hỗ trợ cứng hóa chuồng trại để phòng chống rét cho đàn vật nuôi.

- Bảo tồn, giữ gìn và phát triển các giống, loài đặc hữu của địa phương; Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong canh tác, sản xuất nông nghiệp đảm bảo mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp bền vững - thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng và triển khai đề xuất chi tiết giảm phát thải từ mất đất lâm nghiệp và suy thoái rừng tham gia Quỹ cacbon Ngân hàng thế giới (REDD-FCPF).

- Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí mê-tan từ canh tác lúa và chăn nuôi. Chủ động tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học.

- Phát triển sinh kế, cải thiện đời sống, ổn định nơi sinh sống cho nhóm đối tượng khu vực lâm nghiệp nhạy cảm với tác động của biến đổi khí hậu.

3.3. Rừng và các hệ sinh thái

- Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; nâng cao chất lượng rừng và năng lực phòng hộ của rừng đầu nguồn, tăng hấp thụ các-bon và giảm phát thải thông qua áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi rừng trồng chu kỳ ngắn sang rừng trồng chu kỳ dài. Giảm khai thác gỗ rừng trồng cho sản xuất gỗ dăm; phát triển và phục hồi cảnh quan rừng; tổ chức điều tra, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học, hệ sinh thái trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp đặc biệt tại các vùng lõi vườn Quốc gia Hoàng Liên, Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn, Khu Bảo tồn thiên nhiên Bát Xát. Chủ động nguồn lực đầu tư phát triển các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, vườn thực vật nhằm bảo tồn các loài nguy cấp, quý hiếm, chọn tạo các loài cây bản địa có giá trị kinh tế cao nhưng có đặc tính sinh học có khả năng chịu được biên độ dao động lớn của nhiệt độ trong thời gian dài ngày (*khả năng chịu rét, chịu hạn*) trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Thực hiện khai thác tiềm năng du lịch của các khu di sản thiên nhiên, phát triển du lịch sinh thái gắn với sinh kế của người dân vùng đệm, nâng cao đời sống cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn đa dạng sinh học một

cách bền vững.

- Áp dụng khoa học công nghệ trong việc nâng cao chất lượng rừng; tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, sâu bệnh hại rừng.

3.4. Công nghiệp và năng lượng

- Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất công nghiệp. Triển khai thực hiện các biện pháp chuyển đổi cơ cấu sản xuất và sử dụng năng lượng theo hướng tăng mạnh tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (*Phát triển các nhà máy thủy điện quy mô nhỏ có chọn lọc, đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; Tập trung nghiên cứu các dự án sử dụng năng lượng gió, điện mặt trời mái nhà, điện sinh khối...*); giảm tỷ trọng các nguồn nhiên liệu hoá thạch, không phát triển các dự án nhiệt điện than mới sau năm 2030.

- Cải tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại. Khuyến khích xây dựng công trình, nhà ở chống nắng nóng, sử dụng các giải pháp làm mát xanh, dựa vào tự nhiên, sử dụng vật liệu ít phát thải khí nhà kính, vật liệu tái chế. Đẩy mạnh giải pháp hiệu quả năng lượng cho các thiết bị làm mát và điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng thông minh.

- Ưu tiên các nghề, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch thân thiện với môi trường có giá trị gia tăng cao giảm thiểu phát sinh chất thải; thu hút các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là vốn ngoài ngân sách để hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện phát triển đột phá công nghiệp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn và xử lý chất thải, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh - dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các chủ cơ sở tuân thủ việc áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Di dời hoặc đình chỉ hoạt động sản xuất đối với các cơ sở gây ô nhiễm không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

3.5. Văn hoá và du lịch

- Điều chỉnh quy hoạch và các hoạt động du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa phi vật thể phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đối với các di tích, danh thắng cấp Quốc gia, cấp tỉnh; đề xuất các biện pháp tu bổ, tôn tạo, nâng cấp một số các khu di tích lịch sử, đền chùa, khu di sản thiên nhiên, giảm thiểu các tác động do biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch thân thiện với môi trường; hướng tới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo tại các cơ sở dịch vụ du lịch; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông minh trong hoạt động quản lý tài nguyên du lịch, các khu, điểm du lịch, khách sạn theo hướng phát triển du lịch bền vững; Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường trong xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đảm bảo hạn chế việc thay đổi môi trường cảnh quan trong thi công xây dựng.

- Gắn phát triển du lịch sinh thái tại các khu di sản thiên nhiên với hoạt động chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Quy hoạch, phát triển hạ tầng

- Thực hiện đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và các ngành chuyên biệt, quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư; chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; chống ngập lụt cho các đô thị do tác động của biến đổi khí hậu. Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh, đảm bảo các ngập tràn trên hệ thống suối, khe nước được trang bị thiết bị giám sát lưu lượng nước và cảnh báo độ sâu nước ngập.

- Từ nay đến năm 2030, ưu tiên xây dựng các công trình xanh tại thành phố Lào Cai, khu du lịch Sa Pa, khu du lịch Y Tý và khu du lịch Bắc Hà; phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

- Chuyển đổi phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh theo lộ trình và giải pháp được quy định tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Áp dụng giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo lộ trình, hướng tới giảm tối đa mức tiêu thụ nhiên liệu và phát thải khí nhà kính theo các mục tiêu tại Quyết định số 876/QĐ-TTg. Đề nghị Chính phủ và các bộ ngành Trung ương phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng với tỉnh Lào Cai.

- Tổ chức vận tải khoa học trên cơ sở phát triển hợp lý các phương thức vận tải. Từng bước nâng cao thị phần vận tải hành khách công cộng tại các đô thị. Thúc đẩy chuyển đổi sử dụng phương tiện giao thông cá nhân sang sử dụng

phương tiện giao thông công cộng; chuyển đổi phương thức vận tải hàng hóa từ đường bộ sang đường sắt, đường thủy; tăng cường kết nối các phương thức vận tải kết hợp dịch vụ logistics chất lượng cao, giảm hệ số chạy rỗng của phương tiện, giảm ùn tắc hàng hóa trong hoạt động vận tải và chuỗi cung ứng dịch vụ logistics; tổ chức quản lý, điều hành, khai thác hiệu quả phương tiện, trang thiết bị hạ tầng giao thông vận tải.

- Quy hoạch phát triển hạ tầng xử lý chất thải rắn theo hướng giảm dần tỷ lệ chôn lấp theo đúng mục tiêu Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan.

3.7. Bảo đảm an sinh xã hội và sức khỏe cộng đồng

- Triển khai, thực hiện Chiến lược quốc gia Phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Lào Cai theo Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh. Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng chống thiên tai; nâng cao nhận thức và năng lực về phòng thiên tai; quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, thích ứng với thời tiết, thiên tai, biến đổi khí hậu; đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế; huy động và lồng ghép các nguồn lực để phòng chống thiên tai, giảm tối đa thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

- Xây dựng lộ trình, phương án quy hoạch, di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng có nguy cơ rủi ro thiên tai cao. Những khu vực chưa thể di dời được thực hiện theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro. Nâng cao năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

- Triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ y tế thực sự phù hợp đáp ứng với hoạt động phòng, chống thiên tai, thảm họa do biến đổi khí hậu gây nên; mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng đặc biệt là khu vực nông thôn gắn với các nội dung về nước sạch và vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe ban đầu, thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng bị ảnh hưởng, các vùng dân tộc thiểu số.

- Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

- Tăng cường vai trò, năng lực và sự tham gia của phụ nữ, thanh thiếu niên trong hoạt động thích ứng với BĐKH và quản lý rủi ro thiên tai; đẩy mạnh các

phong trào, hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về BĐKH và các giải pháp trong phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH.

4. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

4.1. Thể chế, chính sách

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu phù hợp với các quy định của Quốc gia. Rà soát các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu về giảm phát thải khí nhà kính theo lộ trình của Chính phủ.

- Thể chế hóa các mô hình phát triển các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn trong các hoạt động phát triển trên địa bàn tỉnh. Rà soát, có chính sách hỗ trợ từ ngân sách để thực hiện xử lý nước sinh hoạt nông thôn đảm bảo nước sạch theo quy chuẩn.

- Triển khai, áp dụng chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, cơ chế và các công cụ kinh tế nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó biến đổi khí hậu; xác định các chương trình, dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao và đóng góp thực hiện mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu để doanh nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài; ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hoá thạch sang năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng.

4.2. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn thi hành pháp luật tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường sự tham gia của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể trong tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu trong toàn hệ thống. Nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân tại các vùng có nguy cơ rủi ro thiên tai.

- Tích hợp nội dung giáo dục biến đổi khí hậu vào trong chương trình giảng dạy tại các trường phổ thông, hướng nghiệp dạy nghề, cao đẳng và đại học trong toàn tỉnh.

4.3. Phát triển nguồn nhân lực

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và phù hợp với kế hoạch, chiến lược quốc gia về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

4.4. Phát triển khoa học và công nghệ

- Tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ có ứng dụng các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Triển khai thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tăng cường công tác thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm ngăn chặn các công nghệ lạc hậu, tác động xấu đến môi trường.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, ưu tiên tập trung phát triển công nghệ cao, công nghệ mới, hiện đại trong chuyển đổi sản xuất năng lượng theo hướng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện với môi trường; xử lý chất thải; phát triển các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Danh mục các dự án ưu tiên thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lào Cai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn để thực hiện nội dung Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lào Cai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn của tổ chức, cá nhân, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp nhà nước hiện hành.

2. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội và UBND cấp huyện chủ động rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch vào các chương trình, kế hoạch, dự án đang triển khai của đơn vị, địa phương. Đối với các nhiệm vụ mới phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ trong

phụ lục Kế hoạch để xây dựng các chương trình, dự án hoặc dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ cụ thể theo quy định hiện hành.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện nội dung Kế hoạch theo quy định của pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trong các chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện nội dung kế hoạch. Định kỳ sơ kết 5 năm, 10 năm và kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch hành động phù hợp với tình hình thực tiễn và các chương trình, kế hoạch của Trung ương.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện rà soát, cập nhật các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, 10 năm của tỉnh nhằm đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với các mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất các chủ trương, giải pháp thực hiện các mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hướng dẫn các sở, ngành và UBND cấp huyện tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu vào các quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện rà soát, bổ sung các dự án ưu tiên, cấp bách vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định; tổng hợp kế hoạch vốn đối ứng của tỉnh, kế hoạch thu hút tài trợ kinh phí cho việc thực hiện nội dung kế hoạch.

- Tham mưu, cân đối, bố trí kinh phí từ các nguồn vốn thuộc lĩnh vực Sở được phân công theo dõi, quản lý phù hợp với các nội dung Kế hoạch và đảm bảo theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh bố trí các nguồn vốn để thực hiện hiệu quả các nội dung của Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách.

4. Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải và Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch ngành phù hợp với mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo lĩnh vực quản lý.

- Giám sát các cơ sở thuộc đối tượng kiểm kê khí nhà kính theo ngành lĩnh vực quản lý thực hiện kiểm kê khí nhà kính; cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động hướng dẫn, triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực nhằm đạt được các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm:

- Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo lĩnh vực quản lý. Tích hợp, lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương thuộc phạm vi quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo thống nhất, đồng bộ; sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

- Tăng cường phối hợp liên ngành thực hiện các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Tham mưu ban hành các chính sách, pháp luật; triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề án liên quan đến hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

6. Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn có trách nhiệm:

- Cung cấp các số liệu liên quan đến diễn biến khí hậu trên địa bàn tỉnh cho các sở, ngành, UBND cấp huyện phục vụ hoạt động điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ, chương trình đề án khác về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp các sở, ngành có liên quan tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai và các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh:

- Theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức vận động các tổ chức, cá nhân cùng tham gia đóng góp nguồn lực để triển khai thực hiện kế hoạch, góp phần thực hiện cam kết đưa mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính. Các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm thực hiện các các nhiệm vụ kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ.

Trên đây là Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lào Cai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Biến đổi khí hậu;
- TT. TU, HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP;
- Lưu: VT, TNMT2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh